

Bản án số: 68/2021/HS-ST

Ngày: 23-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vy.

2. Ông Hoàng Đình Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa:
Ông Trần Văn Cẩm - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 45/2021/TLST-HS ngày 05 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2021/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu V, sinh ngày: 19 tháng 6 năm 1979, tại tỉnh T; Nơi cư trú: Tổ dân phố 3B, thị trấn N, huyện T, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 06/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu P (đã chết) và bà Nguyễn Thị U, sinh năm 1955; có vợ là: Dương Thị L, sinh năm 1983 và có 03 người con; tiền án: Không, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 18/12/2020 cho đến nay. Có mặt.

Bị hại: Chị Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1999; địa chỉ: Thôn C, xã H, thị xã Đn, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Đậu Đức T, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ dân phố 2A, thị trấn Nh, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Người làm chứng: Chị Dương Thị L, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố 3B, thị trấn N, huyện T, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 15 giờ 30 ngày 08/9/2020 chị Nguyễn Thùy L (sinh năm 1999; trú tại: Thôn C, xã Quảng H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Bình) đi trên chuyến tàu thống nhất SE7 B vào thành phố H. Khoảng 20 giờ cùng ngày chị L xuống tàu và làm thủ tục khai báo y tế tại chốt Ga H, lúc này chị L có lấy điện thoại di động hiệu iPhone XS màu vàng ra để sử dụng rồi để trên bàn của nhân viên y tế. Sau khi làm xong thủ tục, chị L đã đón xe đi về phòng trọ của mình tại: 73/33 V, thành phố H. Nguyễn Hữu V cùng vợ là Dương Thị L (sinh năm 1983) và con gái là Nguyễn Thị Thùy T (sinh năm 2016) đi cùng chuyến tàu SE7 với chị L cũng làm thủ tục khai báo y tế tại chốt này. V nhìn thấy chiếc máy điện thoại trên nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt. Quan sát thấy không ai để ý, V đã lấy trộm điện thoại trên bỏ vào túi quần rồi cùng vợ và con rời khỏi Ga H, đến thuê nhà nghỉ ở đường Xn, thành phố H ở lại. Ngày 09/9/2020, sau khi khám bệnh xong, gia đình V đón xe ra lại Quảng Bình. Ngay sau khi đến nhà, V đưa máy điện thoại trên đến tiệm điện thoại Đức T (ở Tổ dân phố 2A, thị trấn N, huyện T, tỉnh Quảng Bình) gặp anh Đậu Đức T (sinh năm 1986, là chủ tiệm) để thuê mở khóa màn hình. Tại đây, V nói với anh T rằng điện thoại này được một người em gái cho nhưng quên mật khẩu nên anh T tin tưởng, nhận mở khóa điện thoại cho V, hẹn lúc nào xong sẽ gọi đến lấy. Sau khi phát hiện bị mất điện thoại di động, chị L đã đến Công an phường Đ, thành phố H trình báo sự việc.

Vật chứng cơ quan điều tra đã thu giữ:

01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone XS, màu vàng, số imei: 356168091531314, đã qua sử dụng. Cơ quan điều tra đã trả lại cho chị L.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 218 ngày 30/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố H, xác định tại thời điểm chiếm đoạt: 01 điện thoại di động hiệu iPhone XS, màu vàng, số imei: 356168091531314, đã qua sử dụng, có trị giá 9.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 63/CT-VKS-HS ngày 04 tháng 3 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H truy tố bị cáo Nguyễn Hữu V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố H giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu V phạm tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu V từ 09 tháng đến 01 năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 năm 6 tháng đến 02 năm.

- Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của bị cáo và lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố. Bị cáo nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, Kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét hành vi của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo Nguyễn Hữu V là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Khoảng 20 giờ ngày 08/9/2020, tại chốt khai báo y tế Ga H thuộc phường Đ, thành phố H, bị cáo Nguyễn Hữu V đã lén lút trộm cắp chiếc điện thoại di động hiệu iPhone XS, màu vàng của chị Nguyễn Thùy L, có trị giá 9.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Do đó, bị cáo V đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ Luật Hình sự năm 2015 đúng như nội dung Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H đã truy tố.

[3] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, căn cứ quyết định hình phạt đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với tình tiết phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng, Hội đồng xét xử xét

thấy không có cơ sở nên không chấp nhận. Xét bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, nên cần áp dụng thêm Điều 65 Bộ luật Hình sự, giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Không ai có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại điện thoại di động hiệu iPhone XS, màu vàng, số imei: 356168091531314 cho bị hại là chị Nguyễn Thùy L.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Hữu V 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hữu V cho Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện T, tỉnh Quảng Bình có trách nhiệm giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Hữu V phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án về phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15

ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT. Huế;
- VKSND tỉnh TT. Huế
- Sở Tư pháp TT. Huế;
- PV06 CA tỉnh TT. Huế;
- VKSND thành phố H;
- CA thành phố H;
- CC THADS thành phố H;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL&NVLQ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Lê Văn Hạnh